

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-PT
Ngày: 09-03-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hòa

Ông Lò Văn Lịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Đức Công - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 04, 05, 06 và ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Lò Văn T1, Trịnh Thị V1, Quảng Văn L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Duy K, Hoàng Quốc V, Lê Văn B, Vũ Hữu Th và kháng nghị của viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn R, Ngô Đức H1, Nguyễn Duy K, Hoàng Quốc V đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị.

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị H**(tên gọi khác: Không); sinh năm: 1966, tại: huyện S, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khôi T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Ê (Đã chết) và con bà Phạm Thị N, sinh năm 1939; bị cáo có chồng là Phạm Văn J, sinh năm 1964 và có 03 người con (có 01 con đã chết), con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1997; nhân thân: tiền sự: Không, tiền án: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 08 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/02/2019, tạm giam ngày 16/02/2019 (bị tạm giữ, tạm giam 88 ngày). Được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 06/5/2019, đến ngày 26/02/2020 bị bắt, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Văn R** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1963; tại: Xã Q, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Khối L, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị U (Đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1960 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2019 đến ngày 01/3/2020 bị bắt, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Ngô Đức H1** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1985; tại: huyện G, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: khối K, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do (trước khi phạm tội là Công an nhân dân, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai ngày 21/5/2019 đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 17/5/2019 đã bị khai trừ ra khỏi Đảng); trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đức Th (Đã chết) và con bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1945; bị cáo có vợ là Phạm Thị Y, sinh năm 1988 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2019 đến ngày 02/03/2020 bị bắt tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Duy K** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1975, tại: xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Khối X, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T (Đã chết) và con bà Lê Thị V, sinh năm 1947; bị cáo có vợ là Hoàng Thanh Ph, sinh năm 1976 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2019 đến ngày 26/02/2020 bị bắt, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Hoàng Quốc V** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1972; tại: huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và con bà Hoàng Thị X, sinh năm 1943; bị cáo có vợ là Đinh Thị G, sinh năm 1973 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/02/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/02/2019 (bị tạm giữ 09 ngày). Ngày 26/02/2020 bị bắt, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo có kháng cáo

1. Họ và tên: **Trịnh Thị V1**. (Tên gọi khác: Không); sinh năm: 1985, tại: huyện G, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Khối 20/7, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quang Thái (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954; bị cáo có chồng là Nguyễn Xuân E1, sinh năm 1974 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; Nhân thân: tiền sự: Không, tiền án: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 6 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/02/2019 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Vũ Hữu Th** (Tên gọi khác: Không); sinh năm: 1976, tại: xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: khối T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu Ch1, sinh năm 1938 và con bà Trần Thị Ty, sinh năm 1940; bị cáo có vợ là Phan Thị Nh, sinh năm 1978 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2019 đến ngày 26/02/2020 bị bắt tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lò Văn T1** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1980, tại: huyện G, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: B, xã C, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp (trước khi phạm tội là Đại biểu Hội đồng nhân dân xã C, Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn A, sinh năm: 1959 và con bà Lò Thị O, sinh năm 1950; bị cáo có vợ là Lò Thị A1, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/02/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/02/2019 (bị tạm giữ 09 ngày). Ngày 26/02/2020 bị bắt, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Lê Văn B** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1968, tại: huyện G, tỉnh Điện; Nơi cư trú: khối T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Sinh, sinh năm 1925 (Đã chết) và con bà Nhâm Thị Th2, sinh năm 1927 (Đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1975 và có 01 người con, sinh năm 1992; tiền án: không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1997 bị TAND tỉnh Lai Châu xử phạt 18 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và đã được xóa án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2019 cho đến ngày 26/02/2020 bị bắt, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Quàng Văn L** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1982, tại: xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: bản G1, xã Q, huyện G, tỉnh Điện

Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn Th3, sinh năm: 1952 và con bà Quàng Thị Kh, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Lò Thị E2, sinh năm 1988 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/3/2019 đến ngày 26/02/2020 bị bắt, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị:

1. Họ và tên: **Lê Văn T** (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1984, tại: xã T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT: xóm B, xã Đ, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: khối T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do (thợ mộc); trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trung Th3 (Đã chết) và con bà Nghiêm Thị L1, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/02/2019, tạm giam ngày 16/02/2019, được áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 06/5/2019 cho đến 16/10/2019 (bị tạm giữ, tạm giam 88 ngày). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trường G** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1983, tại: huyện M, tỉnh Yên Bái; Nơi đăng ký HKTT: Tổ X, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; chỗ ở hiện nay: khối K, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Th4 (Đã chết) và con bà Phùng Thị O1, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị M1, sinh năm 1982 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/02/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/02/2019 cho đến 16/10/2019 (bị tạm giữ 09 ngày). Bị cáo đang chấp hành án. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lương Xuân C** (tên gọi khác: Không); sinh năm: 1981, tại: quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký HKTT: V, phường L, quận B, thành phố P; chỗ ở hiện nay: khối K, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Nhưng, sinh năm 1957 và con bà Hoàng Thị A, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Phạm Thị U1, sinh năm 1988 và có 01 người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ ngày 07/02/2019, tạm giam ngày 16/02/2019, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 06/5/2019 cho đến 16/10/2019 (bị tạm giữ, tạm giam 88 ngày). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn L và Nguyễn Thị H:

Ông Đỗ Tuấn Ng - Luật sư thuộc Công ty Luật K. Địa chỉ: Tổ X, khu Y, Phường B, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh (Có mặt tại phiên tòa từ ngày 03 đến ngày 06/3/2020, ngày 09/3/2020 vắng mặt tại phiên tòa).

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:

- Bà Trần Phương A - Luật sư, Công ty luật TNHH G và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư TP. Hà Nội. Địa chỉ: Số nhà S, tổ dân phố I, phường T, TP. Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không có lý do).

- Ông Nguyễn Việt C1 - Luật sư, Công ty luật TNHH G và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư TP. Hà Nội. Địa chỉ: Số nhà S, tổ dân phố I, phường T, TP. Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa từ ngày 03 đến ngày 06/3/2020, ngày 09/3/2020 vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Trần Bích L4 - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư T Hà Nội. Địa chỉ: Số A, đường D, tổ U, Phường S, thành phố L, tỉnh Sơn La (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đức H1:

Bà Nguyễn Thị V - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư C. Địa chỉ: Phòng X, tầng R, tòa nhà Y, số X đường X, phường S, quận T, thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

Bà Vũ Thị N - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư C. Địa chỉ: Phòng X, tầng R, tòa nhà Y, số X đường X, phường S, quận T, thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

4. Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn R:

Bà Vũ Thị N - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư C. Địa chỉ: Phòng X, tầng R, tòa nhà Y, số X đường X, phường S, quận T, thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

5. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Quốc V:

Ông Vũ Đức Th - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư T Hà Nội. Địa chỉ: Số A, đường D, tổ U, Phường S, thành phố L, tỉnh Sơn La (Có mặt tại phiên tòa).

6. Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị V1:

- Bà Trần Bích L4 - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư T Hà Nội. Địa chỉ: Số A, đường D, tổ U, Phường S, thành phố L, tỉnh Sơn La (Có mặt tại phiên tòa).

7. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T1:

- Ông Đinh Bá C - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH T. Địa chỉ: Số O, ngách R, ngõ X, J, K, B, Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

Ông Vũ Đức Th - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư T Hà Nội. Địa chỉ: Số A, đường D, tổ U, Phường S, thành phố L, tỉnh Sơn La (Có mặt tại phiên tòa).

- Bà Trần Bích L4 - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư T Hà Nội. Địa chỉ: Số A, đường D, tổ U, Phường S, thành phố L, tỉnh Sơn La (Có mặt tại phiên tòa).

** Người có liên quan đến vụ án:*

Ông Lê Ngọc Th3, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: Khôi T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1. Bà Hoàng Thị H5, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Khôi 20/7, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị H6; sinh năm: 1970; Địa chỉ: Khôi T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Ông Nguyễn Văn H7, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Khôi L, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa các ngày 03, 04/3/2020, ngày 5/3/2020 có mặt tại phiên tòa).

4. Ông Vũ Đình H8, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Khôi T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người chứng kiến:*

1. Ông Quảng Văn A2, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Khôi T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Lương Văn H9, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Bản Giăng, xã Q, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Mai Thị Th4, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Khôi T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Trương Xuân H10, sinh năm: 1983. Chức vụ: Trưởng Công an - Công an thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Phạm Công C2, sinh năm: 1965. Chức vụ: Điều tra viên, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không có lý do).

3. Ông Trần Ngọc Th5, sinh năm: 1988. Chức vụ: Cán bộ - Công an thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Lương Minh T5, sinh năm: 1984. Chức vụ: Phó trưởng Công an - Công an thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

5. Ông Vừ A X, sinh năm: 1993. Chức vụ: Cán bộ, Công an thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Ông Vũ Văn T6, sinh năm: 1972. Chức vụ: Điều tra viên, Cơ quan CSĐT Công an huyện G, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

7. Ông Lò Văn D, sinh năm: 1986. Chức vụ: Điều tra viên, Cơ quan CSĐT Công an huyện G, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

8. Ông Vũ Đức B2. Chức vụ: Cán bộ, Công an thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Văn H1. Chức vụ: Cán bộ, Công an thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06/02/2019, bị cáo Lê Văn T đang ở nhà thuê của bà Mai Thị Th6 tại khối T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên thì bị cáo Phạm Văn R đến chơi chúc tết. Một lúc sau có các bị cáo Ngô Đức H1, Lê Ngọc Th3 đến nhà bị cáo T chúc tết. Trong lúc ngồi chơi các bị cáo rủ nhau đánh bạc chơi xóc đĩa, tất cả đồng ý chơi. Bị cáo Lê Văn T đi xuống bếp lấy 01 bộ bát đĩa bằng sứ và nhặt quân bài tú lơ khơ ở dưới nền nhà cất thành 04 quân hình tròn một mặt xanh, một mặt trắng để làm dụng cụ đánh bạc. Các bị cáo ngồi đánh bạc xóc đĩa ở phần ngủ phía gian trong nhà bị cáo T. Hình thức đánh bạc: Sử dụng 01 bộ bát đĩa bằng sứ và 04 quân tròn cắt từ quân bài tú lơ khơ dùng để làm quân xóc đĩa. Bị cáo T là người cầm cái đặt 04 quân tròn lên trên chiếc đĩa rồi úp chiếc bát đập lên trên. Bị cáo T cầm bộ bát đĩa bằng cả hai tay, xóc lên xuống để 04 quân tròn đảo lộn bên trong. Sau đó, bị cáo T đặt bộ bát đĩa xuống chiếu, bát vẫn úp trên đĩa, để các bị cáo đặt tiền đánh bạc bằng cách cá cược vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ. Sau khi cân đối tiền đặt hai cửa chẵn, lẻ thì mở bát úp ra để cùng xem các quân tròn trên đĩa. Nếu 02 quân mặt màu trắng, 02 quân mặt màu xanh hoặc cả 04 quân cùng mặt là chẵn, ai đặt tiền vào cửa chẵn thắng được tiền, ai đặt tiền cửa lẻ thua mất số tiền đã đặt cọc. Nếu có 01 quân mặt màu trắng, 03 quân mặt màu xanh hoặc ngược lại là lẻ; ai đặt tiền vào cửa lẻ thắng được tiền, ai đặt cửa chẵn thua mất số tiền đã đặt. Tỷ lệ được thua là đặt 01 ăn 01, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) trở lên đến 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*). Sau khi thanh toán thắng thua xong mỗi ván, bị cáo T cầm bát úp đập lên 04 quân tròn trên đĩa và xóc lại để đánh ván tiếp theo. Bị cáo T, Th3, bị cáo H1, bị cáo R đánh bạc xóc đĩa được khoảng 15 phút thì có bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo Trịnh Thị V1 vào tham gia đánh bạc, đặt cược từ 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) đến 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*); một lúc sau có bị cáo Lương Xuân C, bị cáo Hoàng Quốc V, bị cáo Nguyễn Trường G; tiếp sau có bị cáo Nguyễn Duy K, bị cáo Vũ Hữu Th, bị cáo Lê Văn B, bị cáo Lò Văn T1 tới tham gia đánh bạc xóc đĩa. Bị cáo T tiếp tục cầm cái, số tiền đặt cược từ 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) đến 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Đối với Lê Ngọc Th3 tham gia đánh bạc nhưng đã về trước khi vụ việc bị phát hiện, bắt quả tang. Đến hồi 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an thị trấn G phát hiện bắt quả tang gồm: Các bị cáo T, H, V1, G, C, V, T1; còn các bị cáo K, Th, B, R, H1, L chạy thoát. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 11.100.000 đồng (*Mười một triệu một trăm nghìn đồng*); 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân hình tròn, 01 mảnh vải trải ngồi nơi đánh bạc. Sau khi bỏ chạy đến

hồi 08 giờ ngày 10/3/2019 bị cáo Quàng Văn L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đầu thú.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên thu giữ đồ vật, tài liệu như sau: Thu giữ của bị cáo Lò Văn T1 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO; thu giữ của bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Hoàng Quốc V 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Nguyễn Trường G 01 điện thoại nhãn hiệu PHILIP vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Trịnh Thị V1 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia mặt trước vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Lương Xuân C 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE vỏ màu xám.

Tại Cơ quan Điều tra và phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo T, C, G, L, Th, T1; tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo G, L, Th, T1 khai nhận như sau: Khi tham gia đánh bạc, bị cáo T có số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*), bị cáo C có số tiền 850.000 đồng (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo G có số tiền 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*), bị cáo L có số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*), bị cáo Th có số tiền 250.000 đồng (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo T1 có số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*); riêng bị cáo T1 bị thu giữ trong túi áo có số tiền 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) nhưng không dùng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc thu giữ tại chiếu bạc là 11.100.000 đồng (*Mười một triệu một trăm nghìn đồng*).

Tại Cơ quan Điều tra Công an huyện G, các bị cáo V1, V, H khai nhận như sau: Khi tham gia đánh bạc bị cáo V1 có số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo V có số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), bị cáo H có số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lê Văn T, Lương Xuân C, Nguyễn Trường G, Quàng Văn L, Vũ Hữu Th, Lò Văn T1 thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Gần kết thúc giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Hoàng Quốc V thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Các bị cáo Nguyễn Duy K, Phạm Văn R, Ngô Đức H1 không thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố:

Về tội danh: Các bị cáo Lê Văn T, Lương Xuân C, Nguyễn Duy K, Phạm Văn R, Quàng Văn L, Ngô Đức H1, Vũ Hữu Th, Hoàng Quốc V, Nguyễn Trường G, Lò Văn T1, Lê Văn B, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1 phạm tội “*Đánh*

bạc”.

Về hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 04 (*Bốn*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2019 đến ngày 06/5/2019 là 88 (*Tám mươi tám*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (*Một*) tháng 02(*Hai*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Xuân C 04 (*Bốn*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2019 đến ngày 06/5/2019 là 88 (*Tám mươi tám*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (*Một*) tháng 02 (*Hai*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường G 04 (*Bốn*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2019 đến ngày 16/02/2019 là 09 (*Chín*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 03 (*Ba*) tháng 21 (*Hai mươi một*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Hữu Th 04 (*Bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 04 (*Bốn*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm, giữ ngày 07/02/2019 đến ngày 16/02/2019 là 09 (*Chín*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 03(*Ba*) tháng 21 (*Hai mươi một*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quảng Văn L 04 (*Bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm i, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Đức H1 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn R 08 (*Tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc V 08 (*Tám*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2019 đến ngày 16/02/2019 là 09 (*Chín*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 07 (*Bảy*) tháng 21 (*Hai mươi một*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 08 (*Tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn B 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 16 (*Mười sáu*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2019 đến ngày 06/5/2019 là 88 (*Tám mươi tám*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 13 (*Mười ba*) tháng 02 (*Hai*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Thị V1 14 (*Mười bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Trịnh Thị V1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Duy K, Hoàng Quốc V, Lê Văn B, Quảng Văn L có đơn kháng cáo với nội dung:

- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và đã xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bị cáo, làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan toàn diện của vụ án.

- Bản án sơ thẩm đã tuyên trái với toàn bộ quá trình xét xử tại tòa, những chứng cứ, lời khai của các nhân chứng, lời khai của các bị cáo khác đặc biệt là không dựa trên các quy định của pháp luật về đánh giá chứng cứ, những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xét xử.

- Trong quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, không căn cứ vào sự thật khách quan của vụ án để giải quyết gây oan sai cho các bị cáo.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không triệu tập đầy đủ những người làm chứng, những người liên quan, làm rõ những tình tiết như thu giữ và tác động vào hồ sơ vụ án, vật chứng của vụ án và còn nhiều các tình tiết khác của vụ án đã làm sai lệch và cố ý buộc tội các bị cáo.

Bị cáo Lò Văn T1 kháng cáo với nội dung:

- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và đã xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo, làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan toàn diện của vụ án.

- Bản án sơ thẩm đã tuyên trái với toàn bộ quá trình xét xử tại tòa, những chứng cứ, lời khai của các nhân chứng, lời khai của các bị cáo khác đặc biệt là

không dựa trên các quy định của pháp luật về đánh giá chứng cứ, những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xét xử.

- Trong quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, không căn cứ vào sự thật khách quan của vụ án kết tội bị cáo giống như bị cáo Lê Văn T là người đầu vụ án - trực tiếp cầm cái, chuẩn bị quân bài, bát đĩa chiếu bạc nơi ở của mình để làm nơi tổ chức đánh bạc và cùng trực tiếp chơi bạc. Trong khi đó từ quá trình điều tra đến khi xét xử bị cáo đều khai nhận chỉ tham gia đánh bạc với số tiền là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và đã nghỉ trước khi công an bắt quả tang. Việc tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 04 (*bốn*) tháng tù giam là không công bằng, không đúng người đúng tội.

Bị cáo Vũ Hữu Th kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người đúng tội đúng pháp luật không oan sai. Hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ yếu, các con còn nhỏ, bố đẻ là ông Vũ Hữu C7, sinh năm 1938 hiện bị tai nạn không có người chăm sóc, đến nay bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình nên bị cáo Th xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình.

Tại Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-P7 ngày 12/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm số 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn R, Ngô Đức H1, Nguyễn Duy K, Hoàng Quốc V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm kháng nghị số 03/QĐ-VKS-P7 ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn R, Ngô Đức H1, Hoàng Quốc V. Đối với bị cáo Nguyễn Duy K đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội nên đề nghị HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy K và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Duy K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Duy K khai nhận hành vi phạm tội và xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

- Các bị cáo Lò Văn T1, Quàng Văn L thay đổi nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như quy kết của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật, các bị cáo không bị oan sai và xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo để tự cải tạo và chăm lo cho gia đình.

Các bị cáo Hoàng Quốc V, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Lê Văn B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội “*Đánh bạc*” như quy kết của Tòa án cấp sơ thẩm, quá trình điều tra, truy tố tại cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm từ biên bản phạm tội quả tang đến việc thu thập một số các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án dẫn đến xét xử các bị

cáo chưa đúng người đúng tội đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Bản án Hình sự sơ thẩm giao hồ sơ vụ án lại cho cấp sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lò Văn T1 và Quàng Văn L trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lò Văn T1 và Quàng Văn L đã thay đổi nội dung kháng cáo, xin được hưởng án treo. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Lò Văn T1 và Quàng Văn L như đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Quốc V, Trịnh Thị V1, Ngô Đức H1, Phạm Văn R cho rằng: Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra vụ án có nhiều dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06/02/2019 không có người chứng kiến tham gia từ khi lập biên bản, không kiểm đếm số tiền 11.100.000 đồng (*Mười một triệu một trăm nghìn đồng*), niêm phong vật chứng là tiền, vật chứng khác khi bắt quả tang. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã vi phạm thẩm quyền điều tra, truy tố. Hồ sơ có dấu hiệu tẩy xóa, thay đổi bút lục rất lớn. Những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có dấu hiệu không phản ánh đúng sự thật khách quan. Hồ sơ vụ án bị sửa chữa, đánh số, không theo quy định. Có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Lê Văn T về hành vi tổ chức Đánh bạc, hành vi của Lê Ngọc Th3 có dấu hiệu của hành vi đánh bạc như các bị cáo khác trong vụ án khai ra nhưng lại chỉ bị xử lý hành chính. Về nội dung: Buộc tội các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc nhưng không chứng minh được số tiền của từng bị cáo đã tham gia đánh bạc là bao nhiêu, việc xác định vật chứng vụ án là các điện thoại bị thu giữ nhưng vẫn có nhật ký cuộc gọi đi đến của các bị cáo. Trong vụ án có 06 (Sáu) bị cáo bị bắt tạm giữ gồm Lê Văn T, Nguyễn Thị H, Hoàng Quốc V, Lò Văn T1, Nguyễn Trường G, Lương Xuân C nhưng một số bị cáo này vẫn sử dụng được điện thoại và có bị cáo khai nhận trong ngày 07/02/2019 không bị tạm giữ tại Công an huyện G, tỉnh Điện Biên.

Những người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Quốc V, Trịnh Thị V1, Ngô Đức H1, Phạm Văn R, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra, truy tố lại theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Đức H1 là bà Vũ Thị N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét việc cấp sơ thẩm đã bỏ lọt hành vi phạm tội của Lê Văn T về hành vi tổ chức đánh bạc và đề nghị xem xét xử lý hình sự đối với Lê Ngọc Th3 để bình đẳng với các bị cáo khác trong cùng vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị H, Ngô Đức H1, Hoàng Quốc V, Phạm Văn R và Trịnh Thị V1 không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” là có căn cứ; Bởi vì trong vụ án có 07 (*Bảy*) bị cáo bị bắt quả tang gồm: Lê Văn T, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Hoàng Quốc V, Lò Văn T1, Nguyễn Trường G,

Lương Viết C, đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thu giữ tại chiếu bạc tổng số tiền là 11.100.000 đồng (*Mười một triệu một trăm nghìn đồng*) và toàn bộ dụng cụ để sử dụng vào việc đánh bạc. Sau khi các bị cáo bị bắt quả tang đã khai ra các bị cáo khác trong vụ án là Phạm Văn R, Ngô Đức H1, Nguyễn Duy K, Vũ Hữu Th, Lê Văn B, Quảng Văn L và đối tượng Lê Ngọc Th3 cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo trong vụ án do Lê Văn T là người cầm cái, trực tiếp trả tiền cho người thắng, thua của mỗi ván xóc đĩa.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Đánh bạc*” là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, các bị cáo không bị oan sai. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Lương Xuân C, Nguyễn Trường G, Lò Văn T1, Quảng Văn L, Vũ Hữu Th, Nguyễn Duy K, Lê Văn B là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lò Văn T1, Quảng Văn L, Vũ Hữu Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy K rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy K.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn R, Ngô Đức H1, Hoàng Quốc V, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn không khai nhận hành vi phạm tội nên cấp sơ thẩm đã xử phạt mức hình phạt tù đối với các bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, để áp dụng mức hình phạt là chưa tương xứng và chưa phù hợp hành vi phạm tội của các bị cáo. Bởi bị cáo Nguyễn Thị H có một tình tiết tăng nặng là “*Tái phạm*”, bị cáo Phạm Văn R là người khởi xướng việc đánh bạc, bị cáo Ngô Đức H1 nguyên là cán bộ Công an nhưng thiếu ý thức chấp hành pháp luật đã phạm tội và không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo Hoàng Quốc V không khai nhận hành vi phạm tội. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, theo hướng sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G tăng hình phạt đối với các bị cáo cụ thể: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 16 (*Mười sáu*) tháng tù đến 19 (*Mười chín*) tháng tù, xử phạt bị cáo Ngô Đức H1 từ 06 (*Sáu*) tháng tù đến 09 (*Chín*) tháng tù, xử phạt bị cáo Phạm Văn R từ 08 (*Tám*) tháng tù đến 10 (*Mười*) tháng tù, bị cáo Hoàng Quốc V từ 08 (*Tám*) tháng tù đến 10 (*Mười*) tháng tù, Bị cáo Trịnh Thị V1 14 (*Mười bốn*) tháng tù đến 17 (*Mười bảy*) tháng tù. Tuy nhiên Kiểm sát viên rút đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trịnh Thị V1 vì lý do bị cáo Trịnh Thị V1 không bị kháng nghị tăng hình phạt.

Đối với một số sai sót của cơ quan Điều tra Công an huyện G, Công an tỉnh Điện Biên trong quá trình thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhưng không

ảnh hưởng trực tiếp đến bản chất nội dung vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên sẽ có văn bản kiến nghị để khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị: Do không đồng ý với Bản án hình sự số 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên, ngày 16/10/2019 các bị cáo Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Lò Văn T1, Trịnh Thị V1, Quàng Văn L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Duy K, Hoàng Quốc V, Lê Văn B, Vũ Hữu Th đã làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn R, Ngô Đức H1, Nguyễn Duy K, Hoàng Quốc V.

Căn cứ theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo đã làm đơn trong hạn luật định, bị cáo Lò Văn T1 và Quàng Văn L thay đổi nội dung kháng cáo được coi là hợp lệ. Căn cứ theo Điều 336, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên kháng nghị trong hạn luật định theo quy định nên cần chấp nhận và xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét toàn bộ nội dung kháng cáo của các bị cáo Lò Văn T1, Quàng Văn L và Vũ Hữu Th về việc xin hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Duy K rút toàn bộ kháng cáo.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Văn R, Ngô Đức H1, Hoàng Quốc V, Trịnh Thị V1 và người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Bản án sơ thẩm số 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên để điều tra lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, của người tham gia tố tụng khác.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo Lê Văn T là người làm thợ mộc có thuê nhà của bà Mai Thị Thu, tại khối T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên làm nơi sản xuất kinh doanh đồ gỗ. Nhưng ngày 06/02/2019 (tức ngày 02 tết năm Kỷ Hợi), Lê Văn T đang ở nhà thì có Phạm Văn Ry đến chơi chúc tết, một lúc sau có Ngô Đức H1, Lê Ngọc Th3 cũng đến chúc tết. Trong lúc ngồi chơi các bị cáo rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền, mọi người cùng đồng ý chơi. Lê Văn T đi xuống bếp lấy 01 bộ bát đĩa bằng sứ và nhặt quân bài tú lơ khơ ở dưới nền nhà cất thành 04 quân hình tròn một mặt xanh, một mặt trắng để làm dụng cụ đánh bạc. Các bị cáo ngồi đánh bạc xóc

đĩa ở phản ngử phía gian trong nhà bị cáo T. Hình thức đánh bạc: Sử dụng 01 bộ bát đĩa bằng sứ và 04 quân tròn cắt từ quân bài tú lơ khơ dùng để làm quân xóc đĩa. Bị cáo T là người cầm cái đặt 04 quân tròn lên trên chiếc đĩa rồi úp chiếc bát dậy lên trên. Bị cáo T cầm bộ bát đĩa bằng cả hai tay, xóc lên xuống để 04 quân tròn đảo lộn bên trong. Sau đó, bị cáo T đặt bộ bát đĩa xuống chiếu, bát vẫn úp trên đĩa, để các bị cáo đặt tiền đánh bạc bằng cách cá cược vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ. Sau khi cân đối tiền đặt hai cửa chẵn, lẻ thì mở bát úp ra để cùng xem các quân tròn trên đĩa. Nếu 02 quân mặt màu trắng, 02 quân mặt màu xanh hoặc cả 04 quân cùng mặt là chẵn; ai đặt tiền vào cửa chẵn thắng được tiền, ai đặt tiền cửa lẻ thua mất số tiền đã đặt cọc. Nếu có 01 quân mặt màu trắng, 03 quân mặt màu xanh hoặc ngược lại là lẻ; ai đặt tiền vào cửa lẻ thắng được tiền, ai đặt cửa chẵn thua mất số tiền đã đặt. Tỷ lệ được thua là đặt 01 ăn 01, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) trở lên đến 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*). Sau khi thanh toán thắng, thua xong mỗi ván, bị cáo T cầm bát úp dậy lên 04 quân tròn trên đĩa và xóc lại để đánh ván tiếp theo. Bị cáo T, Th3, bị cáo H1, bị cáo R đánh bạc xóc đĩa được khoảng 15 phút thì có bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo Trịnh Thị V1 vào tham gia đánh bạc, đặt cược từ 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) đến 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*); một lúc sau có bị cáo Lương Xuân C, bị cáo Hoàng Quốc V, bị cáo Nguyễn Trường G; tiếp sau có bị cáo Nguyễn Duy K, bị cáo Vũ Hữu Th, bị cáo Lê Văn B, bị cáo Lò Văn T1 tới tham gia đánh bạc xóc đĩa. Bị cáo T tiếp tục cầm cái, số tiền đặt cược từ 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) đến 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Đối với Lê Ngọc Th3 tham gia đánh bạc, nhưng đã về trước khi vụ việc bị phát hiện, bắt quả tang. Đến hồi 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc, thì bị tổ Công tác Công an thị trấn G phát hiện bắt quả tang gồm: Các bị cáo T, H, V1, G, C, V, T1; còn các bị cáo K, Th, B, R, H1, L chạy thoát. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 11.100.000 đồng (*Mười một triệu một trăm nghìn đồng*); 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân hình tròn, 01 mảnh vải trải ngồi nơi đánh bạc. Sau khi bỏ chạy đến hồi 08 giờ ngày 10/3/2019 bị cáo Quảng Văn L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đầu thú.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên thu giữ đồ vật, tài liệu như sau: Thu giữ của bị cáo Lò Văn T1 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO; thu giữ của bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Hoàng Quốc V 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Nguyễn Trường G 01 điện thoại nhãn hiệu PHILIP vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Trịnh Thị V1 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia mặt trước vỏ màu đen; thu giữ của bị cáo Lương Xuân C 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE vỏ màu xám.

Lời khai của các bị cáo Lê Văn T, Lương Xuân C, Nguyễn Trường G, Quảng Văn L, Vũ Hữu Th và Lò Văn T1 hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo, phù hợp với biên bản nhận dạng và các tài liệu khác được thu thập hợp pháp có trong hồ

sơ vụ án.

Đối với lời khai ban đầu của các bị cáo Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Hoàng Quốc V tại Cơ quan điều tra Công an huyện G phù hợp với các lời khai của các bị cáo Lê Văn T, Lương Xuân C, Nguyễn Trường G, Quảng Văn L, Vũ Hữu Th và Lò Văn T1.

Như vậy, căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về đánh giá chứng cứ thì những lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo trong cùng vụ án đều khai nhận từ trước đến khi bị điều tra truy tố, xét xử các bị cáo đều không có mâu thuẫn gì với nhau trong việc buôn bán kinh doanh hay sinh hoạt hàng ngày. Các bị cáo bị bắt quả tang đều thừa nhận chữ ký trong biên bản phạm tội quả tang do Công an thị trấn G lập là chữ ký của các bị cáo, khi ký vào biên bản các bị cáo đều hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn không bị ép buộc và đều nhận thức được hậu quả pháp lý khi ký vào biên bản đó.

Các bị cáo Ngô Đức H1, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Phạm Văn R và Hoàng Quốc V đều thừa nhận vào thời điểm đó có đến nhà Lê Văn T nhưng các bị cáo Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Hoàng Quốc V, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Lê Văn B đều không thừa nhận có tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo trong vụ án.

Nhưng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các bị cáo đều thừa nhận sự việc đánh bạc và việc thu giữ vật chứng tại nhà của Lê Văn T tại khối T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên bị bắt quả tang vào hồi 15 giờ 45 phút là có thật. 07 (Bảy) bị cáo bị bắt quả tang ban đầu đều thừa nhận hành vi đánh bạc sau đó đã khai ra các bị cáo trong cùng vụ án. Lời khai của các bị cáo đều phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng đã thu thập hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Tại Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248, Điều 249 của Bộ luật Hình sự hướng dẫn như sau:

"1. "Đánh bạc trái phép" là hành vi đánh bạc được thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào với mục đích được thua bằng tiền hay hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc được cơ quan nhà nước có

thẩm quyền cho phép nhưng thực hiện không đúng với quy định trong giấy phép được cấp.

.....

3. *“Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc” bao gồm:*

a) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc

.....

4. *Khi xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc cần phân biệt*

a) Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng số tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc được quy hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.”

Đối chiếu với khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Thấy rằng: Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo trong vụ án này và đối tượng Lê Ngọc Th3 đã chơi xóc đĩa được thua bằng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành, số tiền thu giữ tại chiếu bạc tổng số tiền là 11.100.000 đồng (*Mười một triệu một trăm nghìn đồng*), số tiền này là của 13 (*Mười ba*) bị cáo trong vụ án và đối tượng Lê Ngọc Th3.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội *“Đánh bạc”* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật, các bị cáo không bị oan, sai. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Hoàng Quốc V, Lê Văn B và người bào chữa cho các bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm trong hoạt động tố tụng như nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố tại cấp sơ thẩm có một số sai sót. Tuy nhiên việc sai sót này không làm thay đổi bản chất cũng như nội dung vụ án.

Do vậy, kháng cáo của các bị cáo Ngô Đức H1, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Phạm Văn R và Hoàng Quốc V, Lê Văn B đề nghị hủy bản án sơ thẩm, để điều tra giải quyết lại là không có căn cứ chấp nhận.

Xét về nội dung xin hưởng án treo của các bị cáo Lò Văn T1, Quàng Văn L và Vũ Hữu Th. Người bào chữa cho các bị cáo này cũng cho rằng các bị cáo phạm tội lần đầu, đã khai nhận hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi đánh bạc và tội đánh bạc đều mang lại hệ lụy rất xấu cho toàn xã hội, các con bạc chỉ vì muốn lấy tiền của người khác thành của mình một cách nhanh chóng qua trò đỏ, đen. Người tham gia đánh bạc làm cho chính gia đình của họ bức xúc vì nó làm mất đi tình K trong khối, phố, anh, em, bạn bè từ đánh bạc có thể dẫn đến làm nảy sinh các loại tội phạm khác và gây mất trật tự an toàn xã hội. Căn cứ vào hành vi, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách

nhệm hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc áp dụng tù có thời hạn đối với các bị cáo là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo đã được xử phạt dưới mức thấp nhất của hình phạt tù theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo không cung cấp được thêm chứng cứ mới. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Lò Văn T1, Quảng Văn L và Vũ Hữu Th.

Xét Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-KN-P7 ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về tăng hình phạt đối với các bị cáo Ngô Đức H1, Nguyễn Thị H, Hoàng Quốc V, Phạm Văn R, Nguyễn Duy K.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo Ngô Đức H1 và Phạm Văn R, Hoàng Quốc V, Nguyễn Thị H không khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Thị H đã bị kết án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào tích chất hậu quả hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra cần xem xét áp dụng một mức hình phạt phù hợp hơn đối với các bị cáo Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Hoàng Quốc V và Nguyễn Thị H. Nhưng mức đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa chưa phù hợp đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Ngô Đức H1, Hoàng Quốc V và Phạm Văn R cho tương xứng với hành vi của các bị cáo.

Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, về việc giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Nguyễn Duy K, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, mặc dù tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Duy K không khai nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút toàn bộ nội dung kháng cáo, Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ cần giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Duy K.

Trong vụ án này còn có các bị cáo Lê Văn T, Lương Xuân C và Nguyễn Trường G (bị bắt quả tang) đã bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên tuyên bố phạm tội đánh bạc và bị xử phạt mỗi bị cáo 04 tháng tù, hiện các bị cáo Lê Văn T và Lương Xuân C đã chấp hành xong án phạt tù, Nguyễn Trường G đang thi hành án phạt tù và đều không có khiếu nại gì về tội danh và hình phạt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét trong vụ án này.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Hoàng Quốc V, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1 và những người bào chữa cho các bị cáo cho rằng cán bộ Công an thị trấn G, Công an huyện G, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã có dấu hiệu làm sai lệch một số bút lục có trong hồ sơ vụ án và có nhiều biên bản phạm tội quả tang khác nhau. Các trình tự tố tụng mà cơ quan Công an huyện G và Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã thu thập không đúng theo trình tự tố tụng.

Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chỉ có một biên bản phạm tội quả tang do Công an thị trấn G lập ngày 06/02/2019 có đầy đủ các chữ ký của người phạm tội của tang bao gồm Lê Văn T, Lò Văn T1, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Hoàng Quốc V, Nguyễn Trường G và Lương Xuân C. Người chứng kiến việc tiến hành lập biên bản quả tang là ông Quảng Văn A đều khẳng định ông chỉ ký vào một biên bản đó. Nội dung của biên bản phạm tội quả tang không bị tẩy xóa về nội dung hay số tiền lập biên bản. Các bị cáo bị bắt quả tang đều thừa nhận chữ ký trong biên bản phạm tội quả tang do Công an thị trấn G lập là chữ ký của các bị cáo, khi ký vào biên bản các bị cáo đều hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn không bị ép buộc và đều nhận thức được hậu quả pháp lý khi ký vào biên bản đó.

Các bị cáo, Hoàng Quốc V, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Lê Văn B, Phạm Văn R và người bào chữa không cung cấp thêm bất cứ biên bản nào khác về việc tẩy xóa bút lục có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, mặc dù việc đánh số bút lục trong hồ sơ vụ án có một số bút lục bị tẩy xóa. Người đánh số bút lục là điều tra viên Phạm Công Cảnh đã báo cáo là do đánh nhầm và cũng không ảnh hưởng đến bản chất, nội dung vụ án.

Đối với các hành vi khác mà các bị cáo Ngô Đức H1, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Phạm Văn R và Hoàng Quốc V cũng như người bào chữa cho các bị cáo cho rằng Cơ quan tiến hành tố tụng đã thu thập không đúng trình tự, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã thừa nhận và sẽ có kiến nghị bằng văn bản đến các cơ quan đó nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đề nghị đó của Kiểm sát viên là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với các khiếu nại của người bào chữa đối với cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, việc bắt, tạm giam của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết đúng theo trình tự quy định về giải quyết khiếu nại, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Đối với các khiếu nại của người bào chữa cho các bị cáo Ngô Đức H1, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Phạm Văn R đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phúc thẩm, và đề nghị triệu tập một số người tham gia tố tụng khác đến phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành thảo luận, xét thấy việc yêu cầu thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa, người bào chữa không đưa ra được căn cứ và những người được yêu cầu có mặt tại phiên tòa đều đã có lời khai trong hồ sơ và đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm nên đề nghị đó là

không có căn cứ để chấp nhận, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Mặt khác người bào chữa cho bị cáo Ngô Đức H1 bà Vũ Thị Nga còn cho rằng cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm trong thủ tục tố tụng nhưng lại đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về hành vi tổ chức đánh bạc của Lê Văn T và đề nghị xem xét xử lý hình sự đối với đối tượng Lê Ngọc Th3 để đảm bảo tính công bằng, bình đẳng trong việc áp dụng pháp luật .

Đối với hành vi tụ tập cho 14 (*Mười bốn*) người đánh bạc tại nhà của Lê Văn T, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Lê Văn T là người đã tụ tập nhiều người tham gia đánh bạc và là người cầm cái từ đầu đến khi bị bắt (14 (*Mười bốn*) người trong đó có 13 (*Mười ba*) bị cáo và Lê Ngọc Th3 đã xử lý hành chính về hành vi đánh bạc).

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248, Điều 249 của Bộ luật hình sự: Thì với khoảng thời gian từ 14 giờ đến 15 giờ 45 phút Lê Văn T đã cầm cái cho tổng cộng 14 (*Mười bốn*) người đánh bạc nêu trên có dấu hiệu của “*Tội tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Đối tượng Lê Ngọc Th3 có tham gia đánh bạc nhưng Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên lại có văn bản yêu cầu Công an huyện G ra Quyết định xử lý hành chính đối với Lê Ngọc Th3. Tại Quyết định số 23/QĐ-XPKLBB ngày 10/6/2019 của Công an huyện G quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với Lê Ngọc Th3 về hành vi đánh bạc và xử phạt với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Lê Ngọc Th3 đã nộp phạt là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10/6/2019 nộp vào số tài khoản 3591.0.1035055.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện G, tỉnh Điện Biên.

Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi đó của bị cáo Lê Văn T có dấu hiệu phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”, hành vi của Lê Ngọc Th3 có dấu hiệu của tội “*Đánh bạc*” nên việc đề nghị này của người bào chữa cho bị cáo Ngô Đức H1 bà Vũ Thị Nga là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 153 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Công an huyện G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên xem xét khởi tố vụ án hình sự, đối với Lê Văn T về hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” và xem xét xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với hành vi đánh bạc của Lê Ngọc Th3.

Đối với những sai sót, nhầm lẫn trong hoạt động điều tra, truy tố của cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ có văn bản kiến nghị riêng.

Đối với các quyết định hành vi khác của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đã thực hiện và không bị khiếu nại đều hợp pháp.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo của các bị cáo Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Trịnh Thị V1, Nguyễn Thị H, Hoàng Quốc V, Lê Văn B, Vũ Hữu Th không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho các bị cáo Lò Văn T1, Quảng Văn L.

Bị cáo Nguyễn Duy K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, đ Khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Hoàng Quốc V, Lê Văn B, Quảng Văn L, Lò Văn T1 và Vũ Hữu Th. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Duy K.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo Lò Văn T1, Quảng Văn L, Vũ Hữu Th, Lê Văn B, Nguyễn Duy K, Trịnh Thị V1.

3. Chấp nhận một phần kháng nghị số 03/QĐ-KN ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 83/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo Ngô Đức H1, Nguyễn Thị H, Hoàng Quốc V và Phạm Văn R.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

1. *Tuyên bố:* Các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Duy K, Quảng Văn L, Ngô Đức H1, Vũ Hữu Th, Hoàng Quốc V, Lò Văn T1, Phạm Văn R, Trịnh Thị V1, Lê Văn B phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. *Về hình phạt:*

2.1. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17 ; Điều 38 ; Điều 54 ; Điều 58 ; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Hữu Th 04 (*Bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2020.

2.2. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 04 (*Bốn*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 07/02/2019 đến ngày 16/02/2019 là 09 (*Chín*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 03 (*Ba*) tháng 21 (*Hai mươi một*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2020.

2.3. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quảng Văn L 04 (*Bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2020.

2.4. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 08 (*Tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2020.

2.5 Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc V 09 (*Chín*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/02/2019 đến ngày 16/02/2019 là 09 (*Chín*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 08 (*Tám*) tháng 21 (*Hai mươi một*) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2020.

2.6. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm i, v Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Đức H1 07 (*Bảy*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2020.

2.7. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn R 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2020.

2.8. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn B 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2020.

2.9 Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 17 (*Mười bảy*) tháng tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/2/2019 đến ngày 06/5/2019 là 88 (*Tám mươi tám*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (*Mười bốn*) tháng 02 (*Hai*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2020.

2.10. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Thị V1 14 (*Mười bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

4. Kiến nghị: Áp dụng khoản 4 Điều 153 Bộ luật Tố tụng hình sự. Yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Công an huyện G, tỉnh Điện Biên xem xét khởi tố đối với Lê Văn T về hành vi tổ chức đánh bạc và xem xét xử lý hành vi đánh bạc của Lê Ngọc Th3 theo đúng quy định của pháp luật.

5. Về án phí.

5.1. Về án phí sơ thẩm:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T1, Quảng Văn L.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Văn T, Lương Xuân C, Nguyễn Duy K, Phạm Văn R, Ngô Đức H1, Vũ Hữu Th, Hoàng Quốc V, Nguyễn Trường G, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị V1, Lê Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Về án phí phúc thẩm:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Ngô Đức H1, Phạm Văn R, Trịnh Thị V1, Nguyễn Thị H, Hoàng Quốc V, Lê Văn B, Vũ Hữu Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự phúc thẩm cho các bị cáo Lò Văn T1, Quàng Văn L.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm g Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Duy K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/03/2020).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện G, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THA huyện G, tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện G, tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Người liên quan đến vụ án;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng HC-Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- UBND huyện G, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Đoàn

